

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2019/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,
nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp; mức vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

1. Nguyên tắc xác định: Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và cấp cho chủ đầu tư sau khi chủ đầu tư đã trả nợ vay đầu tư (nợ gốc trong hạn theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng và lãi vay) cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng và kế ước vay, sau khi dự án đưa vào sản xuất kinh doanh.

2. Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

3. Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

a) Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thực tế căn cứ theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

b) Mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

4. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

a) 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư;

b) Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm;

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

5. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

6. Phương thức hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy thác nguồn vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang. Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang ký hợp đồng và cấp vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp được hỗ trợ căn cứ theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa Doanh nghiệp với Ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký;

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

7. Giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

a) Việc giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp được thực hiện một (01) lần nếu tổng mức hỗ trợ dưới 02 tỷ đồng/dự án và hoàn thành trong thời hạn một (01) năm;

b) Tổng mức vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ 02 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng/dự án thì việc giải ngân được thực hiện nhiều lần và hoàn thành trong thời hạn ba (03) năm;

c) Trường hợp tổng mức vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư lớn hơn 05 tỷ đồng/dự án thì việc giải ngân được thực hiện nhiều lần và hoàn thành trong thời hạn năm (05) năm.

8. Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất:

Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất được bố trí từ ngân sách tỉnh theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn và mức vốn thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

Nguồn vốn thực hiện chính sách bao gồm ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và ngân sách tỉnh, cụ thể:

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan.
2. Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách tỉnh hàng năm cho ngành nông nghiệp (bao gồm khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do tỉnh quản lý và chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở tỉnh được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác) để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
3. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối vốn, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 5. Cơ chế thực hiện chính sách

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Các doanh nghiệp có dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: huyện Tân Phú Đông, huyện Tân Phước; địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây.
2. Doanh nghiệp thực hiện các dự án nông nghiệp thuộc danh mục mời gọi đầu tư của tỉnh.
3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư đảm bảo điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

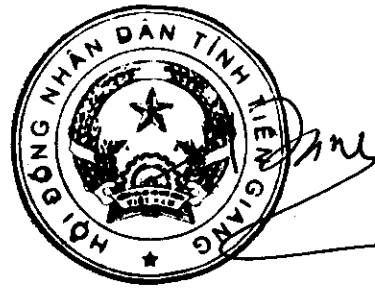
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2019.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 128/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về nguồn vốn hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT; Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh